**UBND TỈNH KHÁNH HÒA**
**CÔNG TY TNHH XNK&ĐT AN NGUYÊN**
**Số: 02 /AN-20**
**V/v Công Bố sản phẩm**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 06 năm 2020



**Kính Gửi: Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa**

Thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, Công ty TNHH xuất nhập khẩu và đầu tư An Nguyên nộp hồ sơ tự công bố sản phẩm như sau:

1./ SỮA HẠNH NHÂN KIRKLAND SIGNATURE ORGANIC VANILLA ALMOND BEVERAGE.

2/ SỮA HẠNH NHÂN KIRKLAND SIGNATURE ALMOND NON-DAIRY BEVERAGE,UNSWEETEND

3/ SỮA YẾN MẠCH ORGANIC NON-DAIRY OAT BEVERAG.

4/ BỘT NÊM VỊ RAU CỦ KNOZZ SELECT SOUP BASE,VEGETABLE

5/ KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM,ORIGINAL.

6/ KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM,BUBBLEGUM.

7/ KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM,WATERMELON TWIST.

Hồ sơ đính kèm bao gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Bản tự công bố sản phẩm.

Công ty TNHH xuất nhập khẩu và đầu tư An Nguyên hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ tự công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với những sản phẩm đã công bố.

CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYÊN
GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 4201... CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYÊN TỈNH KHÁNH HÒA

**TRẦN LÂM HOÀNG NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

# BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02 / TNCB-AN /2020

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên**

Địa chỉ: 62 Phù Đổng, Phường Phước Tiến,TP.Nha Trang,Tỉnh Khánh Hòa,Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309

Email: annguyeninvestment@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201814817

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM, ORIGINAL**

2. Thành phần: Sorbitol, gum base, xylitol, glycerin, hương vị tự nhiên và nhân tạo , ít hơn 2%: Acesulfame potassium, Aspartame, BHT (để duy trì độ tươi), Mannitol, lecithin đậu nành, Sucralose.

Phenylketonurics: chứa phenylalanine

Sản phẩm có chứa: đậu nành.

3. Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong gói nhựa PE, bên ngoài hộp giấy quấn nilon, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bô Y tế.
- Quy cách đóng gói: 1.8g/thanh, 1.9g/thanh, 14 thanh/ gói, 12,14,15 gói/ hộp

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Mondelez Global LLC.

Địa chỉ: East Hanover, NJ 07936 USA.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm**

- Nhãn chính, nhãn phụ đính kèm hồ sơ

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Sản phẩm **KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM, ORIGINAL** đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

*+ QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.*

+ QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

*+ 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm:*

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|---|---|---|---|
| 1 | Tổng số vi khuẩn hiếu khí | CFU/g | $10^4$ |
| 2 | Coliforms | CFU/g | 10 |
| 3 | E.coli | CFU/g | 3 |
| 4 | S.aureus | CFU/g | 10 |
| 5 | Cl.perfringens | CFU/g | 10 |
| 6 | B.cereus | CFU/g | 10 |
| 7 | Tổng số nấm mốc - nấm men | CFU/g | $10^2$ |
| 8 | Cd | mg/kg | 1,0 |
| 9 | Pb | mg/kg | 0,5 |
| 10 | Aflatoxin B1 | µg/kg | 2,0 |
| 11 | Aflatoxin tổng số | µg/kg | 4,0 |

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

*Nha Trang, ngày 10. Tháng 06 năm 2020*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

M.S.D.N: 4201814617 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYÊN
TỈNH KHÁNH HÒA

Trần Lâm Hoàng Nguyên

## NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ

1.Tên sản phẩm: **KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM, ORIGINAL**

2. Thành phần cấu tạo: Sorbitol, gum base, xylitol, glycerin, hương vị tự nhiên và nhân tạo, ít hơn 2%: Acesulfame potassium, Aspartame, BHT (để duy trì độ tươi), Mannitol, lecithin đậu nành, Sucralose.

Phenylketonurics: chứa phenylalanine

. Sản phẩm có chứa: đậu nành

3.Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp sau khi mở bao bì
- Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Chất liệu bao bì và quy cách bao gói:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong giấy nhựa, bên ngoài hộp giấy quấn nilon, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bô Y tế
- Trọng lượng tịnh: 1.8g/thanh, 1.9g/thanh,14 thanh/ gói, 12,14,15 gói/ hộp

6.Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm:

-Xuất xứ: Hoa Kỳ

Sản xuất tại: Mondelez Global LLC.

Địa chỉ: East Hanover, NJ 07936 USA

- Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm:

**Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên**

Địa chỉ: 62 Phù Đổng,Phường Phước Tiến,TP.Nha Trang,Tỉnh Khánh Hòa,Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309

BURSTING
with MORE
FLAVOR
Trident
ORIGINAL FLAVOR
Nutrition Facts
14 servings per container
Serving size 1 stick (1.3g)
Calories <5 per serving
Amount/serving % Daily Value
Total Fat 0g 0%
Sodium 0mg 0%
Total Carb 1g 0%
Amount/serving % Daily Value
Total Sugars 0g
Incl 0g Added Sugars 0%
Sugar Alcohol 1g
Protein 0g
Not a significant source of saturated fat, trans fat, cholesterol, dietary fiber, vitamin D, calcium, iron, and potassium.
ADA Accepted

# TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

| | |
|---|---|
| JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **4862.20** | Report date/ *Ngày*: **06-06-2020** |
| Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 | Page/ *Trang*: **1/ 2** |

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYÊN

Address (*Địa chỉ*) : 62 Phù Đổng, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Kẹo cao su Trident Sugar Free Gum, Original

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong thùng cách nhiệt

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Khách hàng gửi mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 01-06-2020

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 01-06-2020

| **Code/** *Mã mẫu* | **Name/** *Tên mẫu* | **Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích* | **Test Method/** *Phương pháp* | **Unit/** *Đơn vị* | **LOD** | **Result/** *Kết quả* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 4862.20 /3 | Kẹo cao su Trident Sugar Free Gum, Original | Tổng số vi khuẩn hiếu khí (**) | ISO 4833-1:2013 | CFU/g | - | <10 |
| | | Coliforms (**) | ISO 4832:2006 | CFU/g | - | <10 |
| | | *E. coli* (**) | ISO 16649-2:2001 | CFU/g | - | <10 |
| | | *Staphylococcus aureus* (**) | ISO 6888-1:1999/Amd.1:2003 | CFU/g | - | <10 |
| | | *Clostridium perfringens* (**) | ISO 7937:2004 | CFU/g | - | <10 |
| | | *Bacillus cereus* (**) | ISO 7932:2004 | CFU/g | - | <10 |
| | | Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc (**) | ISO 21527-2:2008 | CFU/g | - | <10 |
| | | Aflatoxin B1 (**) | TCVN 7596:2007 | µg/kg | 1.00 | ND |
| | | Aflatoxin tổng số (**) | TCVN 7596:2007 | µg/kg | 1.00 | ND |
| | | Cadimi (Cd) (**) | AOAC 999.11 | mg/kg | 0.002 | ND |
| | | Chì (Pb) (**) | AOAC 999.11 | mg/kg | 0.016 | ND |

# TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

| | |
|---|---|
| JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **4862.20** | Report date/ *Ngày*: **06-06-2020** |
| Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 | Page/ *Trang*: **2/ 2** |

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accrediled by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (**) Parameter is accredited ISO17025 or recognized by Vietnamese government/ *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025 hoặc được chỉ định các Bộ chuyên ngành.*
3. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
4. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO-QSCert Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO-QSCert*
5. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO-QSCert is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO-QSCert*

**Authorized Technical Representative**
***Phụ trách kỹ thuật***

Phạm Thị Hồng Trang

**On behalf of NHO-QSCert**
***Đại diện NHO-QSCert***

M.S.D.N: 1801287028 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO - Q.CÁI RĂNG - TP CẦN THƠ

Hoàng Bá Nghị

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

# BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03 / TNCB-AN /2020

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên**

Địa chỉ: 62 Phù Đổng,Phường Phước Tiến,TP.Nha Trang,Tỉnh Khánh Hòa,Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309

Email: annguyeninvestment@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201814817

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM, BUBBLEGUM**

2. Thành phần: Sorbitol, gum base, xylitol, glycerin, hương vị tự nhiên và nhân tạo , ít hơn 2%: Acesulfame potassium, Aspartame, BHT (để duy trì độ tươi), Mannitol, lecithin đậu nành, Red 40 Lake, Sucralose.

Phenylketonurics: chứa phenylalanine

Sản phẩm có chứa: đậu nành.

3. Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong gói nhựa PE, bên ngoài hộp giấy quấn nilon, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bô Y tế.

- Quy cách đóng gói: 1.8g/thanh,1.9g/thanh, 14 thanh/ gói, 12,14,15 gói/ hộp

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Mondelez Global LLC.

Địa chỉ: East Hanover, NJ 07936 USA.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm**

- Nhãn chính, nhãn phụ đính kèm hồ sơ

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Sản phẩm **KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM, BUBBLEGUM** đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

*+ QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.*

+ QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

*+ 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm:*

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|---|---|---|---|
| 1 | Tổng số vi khuẩn hiếu khí | CFU/g | $10^4$ |
| 2 | Coliforms | CFU/g | 10 |
| 3 | E.coli | CFU/g | 3 |
| 4 | S.aureus | CFU/g | 10 |
| 5 | Cl.perfringens | CFU/g | 10 |
| 6 | B.cereus | CFU/g | 10 |
| 7 | Tổng số nấm mốc - nấm men | CFU/g | $10^2$ |
| 8 | Cd | mg/kg | 1,0 |
| 9 | Pb | mg/kg | 0,5 |
| 10 | Aflatoxin B1 | µg/kg | 2,0 |
| 11 | Aflatoxin tổng số | µg/kg | 4,0 |

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

*Nha Trang, ngày 10. Tháng 06 năm 2020*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

M.S.D.N: 4201814817 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYÊN
TỈNH KHÁNH HÒA

Trần Lâm Hoàng Nguyên

## NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ

1.Tên sản phẩm: **KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM, BUBBLEGUM**

2. Thành phần cấu tạo: Sorbitol, gum base, xylitol, glycerin, hương vị tự nhiên và nhân tạo, ít hơn 2%: Acesulfame potassium, Aspartame, BHT (để duy trì độ tươi), Mannitol, lecithin đậu nành, Red 40 Lake, Sucralose.

Phenylketonurics: chứa phenylalanine

. Sản phẩm có chứa: đậu nành

3.Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp sau khi mở bao bì
- Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Chất liệu bao bì và quy cách bao gói:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong giấy nhựa, bên ngoài hộp giấy quấn nilon, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bô Y tế
- Trọng lượng tịnh: 1.8g/thanh,1.9g/thanh, 14 thanh/ gói, 12,14,15 gói/ hộp

6.Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm:

-Xuất xứ: Hoa Kỳ

Sản xuất tại: Mondelez Global LLC.

Địa chỉ: East Hanover, NJ 07936 USA

- Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm:

**Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên**

Địa chỉ: 62 Phù Đổng,Phường Phước Tiến,TP.Nha Trang,Tỉnh Khánh Hòa,Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309

**Nutrition Facts**

14 servings per container

**Serving size 1 stick (1.9g)**

**Calories** <5 per serving

| Amount/serving | % Daily Value | Amount/serving | % Daily Value |
|---|---|---|---|
| **Total Fat** 0g | 0% | Total Sugars 0g | |
| **Sodium** 0mg | 0% | Incl 0g Added Sugars | 0% |
| **Total Carb** 1g | 0% | Sugar Alcohol 1g | |
| | | **Protein** 0g | |

Not a significant source of saturated fat, trans fat, cholesterol, dietary fiber, vitamin D, calcium, iron, and potassium.

CONTAINS: SOY.

# TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

| | |
|---|---|
| JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **4862.20** | Report date/ *Ngày*: **06-06-2020** |
| Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 | Page/ *Trang*: **1/ 2** |

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYÊN

Address (*Địa chỉ*) : 62 Phù Đổng, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Kẹo cao su Trident Sugar Free Gum, Bubblegum

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong thùng cách nhiệt

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Khách hàng gửi mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 01-06-2020

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 01-06-2020

| **Code/** *Mã mẫu* | **Name/** *Tên mẫu* | **Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích* | **Test Method/** *Phương pháp* | **Unit/** *Đơn vị* | **LOD** | **Result/** *Kết quả* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 4862.20 /2 | Kẹo cao su Trident Sugar Free Gum, Bubblegum | Tổng số vi khuẩn hiếu khí (**) | ISO 4833-1:2013 | CFU/g | - | <10 |
| | | Coliforms (**) | ISO 4832:2006 | CFU/g | - | <10 |
| | | *E. coli* (**) | ISO 16649-2:2001 | CFU/g | - | <10 |
| | | *Staphylococcus aureus* (**) | ISO 6888-1:1999/Amd.1:2003 | CFU/g | - | <10 |
| | | *Clostridium perfringens* (**) | ISO 7937:2004 | CFU/g | - | <10 |
| | | *Bacillus cereus* (**) | ISO 7932:2004 | CFU/g | - | <10 |
| | | Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc (**) | ISO 21527-2:2008 | CFU/g | - | <10 |
| | | Aflatoxin B1 (**) | TCVN 7596:2007 | µg/kg | 1.00 | ND |
| | | Aflatoxin tổng số (**) | TCVN 7596:2007 | µg/kg | 1.00 | ND |
| | | Cadimi (Cd) (**) | AOAC 999.11 | mg/kg | 0.002 | ND |
| | | Chì (Pb) (**) | AOAC 999.11 | mg/kg | 0.016 | ND |

# TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

| | |
|---|---|
| JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **4862.20** | Report date/ *Ngày*: **06-06-2020** |
| Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 | Page/ *Trang*: **2/ 2** |

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (**) Parameter is accredited ISO17025 or recognized by Vietnamese government/ *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025 hoặc được chỉ định các Bộ chuyên ngành.*
3. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
4. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO-QSCert Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO-QSCert*
5. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO-QSCert is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO-QSCert*

**Authorized Technical Representative**
***Phụ trách kỹ thuật***

Phạm Thị Hồng Trang

**On behalf of NHO-QSCert**
***Đại diện NHO-QSCert***

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHƠNHO

Hoàng Bá Nghị

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

# BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04 / TNCB-AN /2020

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên**

Địa chỉ: 62 Phù Đổng,Phường Phước Tiến,TP.Nha Trang,Tỉnh Khánh Hòa,Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309

Email: annguyeninvestment@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201814817

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM, WATERMELON TWIST**

2. Thành phần: Sorbitol, gum base, xylitol, glycerin, hương vị tự nhiên và nhân tạo , ít hơn 2%: Acesulfame potassium, Aspartame, BHT (để duy trì độ tươi), Mannitol, lecithin đậu nành, Red 40 Lake, Sucralose.

Phenylketonurics: chứa phenylalanine

Sản phẩm có chứa: đậu nành.

3. Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong gói nhựa PE, bên ngoài hộp giấy quấn nilon, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bô Y tế.
- Quy cách đóng gói: 1.8g/thanh, 14 thanh/ gói, 12,14,15 gói/ hộp

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Mondelez Global LLC.

Địa chỉ: East Hanover, NJ 07936 USA.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm**

- Nhãn chính, nhãn phụ đính kèm hồ sơ

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Sản phẩm **KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM, WATERMELON TWIST** đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

*+ QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.*

+ QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

*+ 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm:*

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|---|---|---|---|
| 1 | Tổng số vi khuẩn hiếu khí | CFU/g | $10^4$ |
| 2 | Coliforms | CFU/g | 10 |
| 3 | E.coli | CFU/g | 3 |
| 4 | S.aureus | CFU/g | 10 |
| 5 | Cl.perfringens | CFU/g | 10 |
| 6 | B.cereus | CFU/g | 10 |
| 7 | Tổng số nấm mốc - nấm men | CFU/g | $10^2$ |
| 8 | Cd | mg/kg | 1,0 |
| 9 | Pb | mg/kg | 0,5 |
| 10 | Aflatoxin B1 | µg/kg | 2,0 |
| 11 | Aflatoxin tổng số | µg/kg | 4,0 |

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

*Nha Trang, ngày 10. Tháng 06 năm 2020*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

M.S.D.N: 4201814817 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYÊN
TỈNH KHÁNH HÒA

Trần Lâm Hoàng Nguyên

| STT | Tên vật liệu | Đơn vị tính | Mức tiêu hao |
|---|---|---|---|
| 1 | Dây đồng bọc cách điện | Cm2/kg | 10 |
| 2 | Cuộn dây | Cm2/kg | 10 |
| 3 | Keo | Cm2/kg | 3 |
| 4 | Sơn cách | Cm2/kg | 10 |
| 5 | Cầu chì ống | Cm2/kg | 10 |
| 6 | Đế cầu chì | Cm2/kg | 10 |
| 7 | Dây nối mềm – đầu cosse | Cm2/kg | 10 |
| 8 | Đồng | mg/kg | 1.0 |
| 9 | Pb | mg/kg | 0.1 |
| 10 | Aluminum Al | mg/kg | 2.0 |
| 11 | Aluminum Dây nối | mg/kg | 2.0 |

M.S.D.N: 4201814817 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYÊN
TỈNH KHÁNH HÒA

**NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ**

1.Tên sản phẩm: **KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM, WATERMELON TWIST**

2. Thành phần cấu tạo: Sorbitol, gum base, xylitol, glycerin, hương vị tự nhiên và nhân tạo, ít hơn 2%: Acesulfame potassium, Aspartame, BHT (để duy trì độ tươi), Mannitol, lecithin đậu nành, Red 40 Lake, Sucralose.

Phenylketonurics: chứa phenylalanine

. Sản phẩm có chứa: đậu nành

3.Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp sau khi mở bao bì
- Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Chất liệu bao bì và quy cách bao gói:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong giấy nhựa, bên ngoài hộp giấy quấn nilon, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bô Y tế
- Trọng lượng tịnh: 1.8g/thanh, 1.9g/thanh, 14 thanh/ gói, 12,14,15 gói/ hộp

6.Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm:

-Xuất xứ: Hoa Kỳ

Sản xuất tại: Mondelez Global LLC.

Địa chỉ: East Hanover, NJ 07936 USA

- Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm:

**Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên**

Địa chỉ: 62 Phù Đổng,Phường Phước Tiến,TP.Nha Trang,Tỉnh Khánh Hòa,Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309


30% FEWER CALORIES THAN SUGARED GUM. CALORIE CONTENT OF THIS SIZE STICK HAS BEEN REDUCED FROM 5 TO 3 1/2 CALORIES.

**Nutrition Facts**

14 servings per container

**Serving size** 1 stick (1.9 g)

**Calories per serving** <5

| Amount/serving | % Daily Value |
|---|---|
| **Total Fat** 0g | 0% |
| **Sodium** 0mg | 0% |
| **Total Carb** 1g | 0% |

| Amount/serving | % Daily Value |
|---|---|
| Total Sugars 0g | |
| Incl 0g Added Sugars | 0% |
| Sugar Alcohol 1g | |
| **Protein** 0g | |

Not a significant source of saturated fat, *trans* fat, cholesterol, dietary fiber, vitamin D, calcium, iron and potassium.

INGREDIENTS: SORBITOL, GUM BASE, XYLITOL, NATURAL AND ARTIFICIAL FLAVOR, GLYCERIN; LESS THAN 2% OF ACESULFAME POTASSIUM, ASPARTAME, BHT (TO MAINTAIN FRESHNESS), MANNITOL, RED 40 LAKE, SOY LECITHIN, SUCRALOSE.

PHENYLKETONURICS: CONTAINS PHENYLALANINE CONTAINS: SOY.

MONDELEZ GLOBAL LLC, EAST HANOVER, NJ 07936 USA

www.tridentgum.com COMMENTS? CALL 1-800-524-2854

0 12546 01113 6

*VS PRIOR FORMULA

BEST BEFORE 27 MAR 2021 RK 27 [illegible]

BURSTING
with MORE
FLAVOR!
Trident
WATERMELON TWIST


Nutrition Facts
14 servings per container
Serving size 1 stick (1.9 g)
Calories per serving <5
Amount/serving % Daily Value
Total Fat 0g 0%
Sodium 0mg 0%
Total Carb 1g 0%
Protein 0g
Amount/serving % Daily Value
Total Sugars 0g
Incl 0g Added Sugars 0%
Sugar Alcohol 1g
Not a significant source of saturated fat, trans fat, cholesterol, dietary fiber, vitamin D, calcium, iron and potassium.

# TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

| | |
|---|---|
| JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **4862.20** | Report date/ *Ngày*: **06-06-2020** |
| Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 | Page/ *Trang*: **1/ 2** |

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYÊN

Address (*Địa chỉ*) : 62 Phù Đổng, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Kẹo cao su Trident Sugar Free Gum, Watermelon Twist

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong thùng cách nhiệt

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Khách hàng gửi mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 01-06-2020

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 01-06-2020

| **Code/** *Mã mẫu* | **Name/** *Tên mẫu* | **Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích* | **Test Method/** *Phương pháp* | **Unit/** *Đơn vị* | **LOD** | **Result/** *Kết quả* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 4862.20 /1 | Kẹo cao su Trident Sugar Free Gum, Watermelon Twist | Tổng số vi khuẩn hiếu khí (**) | ISO 4833-1:2013 | CFU/g | - | <10 |
| | | Coliforms (**) | ISO 4832:2006 | CFU/g | - | <10 |
| | | *E. coli* (**) | ISO 16649-2:2001 | CFU/g | - | <10 |
| | | *Staphylococcus aureus* (**) | ISO 6888-1:1999/Amd.1:2003 | CFU/g | - | <10 |
| | | *Clostridium perfringens* (**) | ISO 7937:2004 | CFU/g | - | <10 |
| | | *Bacillus cereus* (**) | ISO 7932:2004 | CFU/g | - | <10 |
| | | Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc (**) | ISO 21527-2:2008 | CFU/g | - | <10 |
| | | Aflatoxin B1 (**) | TCVN 7596:2007 | µg/kg | 1.00 | ND |
| | | Aflatoxin tổng số (**) | TCVN 7596:2007 | µg/kg | 1.00 | ND |
| | | Cadimi (Cd) (**) | AOAC 999.11 | mg/kg | 0.002 | ND |
| | | Chì (Pb) (**) | AOAC 999.11 | mg/kg | 0.016 | ND |

# TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

| | |
|---|---|
| JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **4862.20** | Report date/ *Ngày*: **06-06-2020** |
| Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 | Page/ *Trang*: **2/ 2** |

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (**) Parameter is accredited ISO17025 or recognized by Vietnamese government/ *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025 hoặc được chỉ định các Bộ chuyên ngành.*
3. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
4. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO-QSCert Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO-QSCert*
5. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO-QSCert is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO-QSCert*

**Authorized Technical Representative**
***Phụ trách kỹ thuật***

Phạm Thị Hồng Trang

**On behalf of NHO-QSCert**
***Đại diện NHO-QSCert***

CÔNG TY TNHH

Hoàng Bá Nghị

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

# BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05 /TNCB-AN /2020

## I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân:**Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên**

Địa chỉ: 62 Phù Đổng,Phường Phước Tiến,TP.Nha Trang,Tỉnh Khánh Hòa,Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309

Email: annguyeninvestment@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201814817

## II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **SỮA HẠNH NHÂN KIRKLAND SIGNATURE ORGANIC VANILLA ALMOND BEVERAGE**

2. Thành phần: Hạnh nhân nguồn gốc hữu cơ (Nước lọc, Hạnh nhân hữu cơ), Hương vị Vanilla hữu cơ, Muối biển, Lecithin hướng dương, Locust Bean Gum hữu cơ INS 410, Gellan Gum INS 418, Vitamin A Palmitate, Ergocalciferol (Vitamin D2), DL-Alpha-Tocopheryl Acetate (Vitamin E) Riboflavin (Vitamin B2) ), Kẽm Gluconate, Cyanocobalamin (Vitamin B12).

Sản phẩm có chứa: Hạnh nhân.

3. Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp giấy, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bộ Y tế.
- Khối lượng tịnh: 200ml, 237ml, 259ml, 946ml, 1180ml, 3780ml /hộp

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại:Costco Wholesale Corp.

Địa chỉ: P.O. Box 34535 Seattle, WA 98124-1535 USA

## III. Mẫu nhãn sản phẩm

- Nhãn chính, nhãn phụ đính kèm hồ sơ

## IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:
- QCVN 6-2: 2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

+ Các chỉ tiêu vi sinh vật

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Mức tối đa |
|---|---|---|---|
| 1 | Tổng số vi khuẩn hiếu khí | CFU/ml | 100 |
| 2 | Coliforms | CFU/ml | 10 |
| 3 | E.coli | CFU/ml | Không được có |
| 4 | S. aureus | CFU/ml | Không được có |
| 5 | Streptococci faecal | CFU/ml | Không được có |
| 6 | Pseudomonas aeruginosa | CFU/ml | Không được có |
| 7 | Cl. perfringens | CFU/ml | Không được có |
| 8 | Tổng nấm men, nấm mốc | CFU/ml | 10 |

+ Chỉ tiêu kim loại nặng

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Mức tối đa |
|---|---|---|---|
| 1 | Chì | mg/l | 0,05 |

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

*Nha Trang, ngày 10 tháng 06 năm 2020*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

M.S.D.N: 4201814817 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYÊN
TỈNH KHÁNH HÒA

Trần Lâm Hoàng Nguyên

## NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ

1.Tên sản phẩm: **SỮA HẠNH NHÂN KIRKLAND SIGNATURE ORGANIC VANILLA ALMOND BEVERAGE**

2. Thành phần cấu tạo: Hạnh nhân nguồn gốc hữu cơ ( Nước lọc, Hạnh nhân hữu cơ), Hương Vanilla hữu cơ, Muối biển, Lecithin hướng dương, Locust Bean Gum hữu cơ INS 410, Gellan Gum INS 418, Vitamin A Palmitate, Ergocalciferol (Vitamin D2), DL-Alpha-Tocopheryl Acetate (Vitamin E) Riboflavin (Vitamin B2) ), Kẽm Gluconate, Cyanocobalamin (Vitamin B12).

Sản phẩm có chứa: Hạnh nhân

3.Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: Dùng uống trực tiếp.
- Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Chất liệu bao bì và quy cách bao gói:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp giấy, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bộ Y tế.
- Khối lượng tịnh: 200ml, 237ml, 259ml, 946ml, 1180ml, 3780ml /hộp

6.Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm:

-Xuất xứ: Mỹ.

Sản xuất tại: Costco Wholesale Corp.

Địa chỉ: P.O. Box 34535 Seattle, WA 98124-1535 USA

- Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm:

**Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên**

Địa chỉ: 62 Phù Đổng,Phường Phước Tiến,TP.Nha Trang,Tỉnh Khánh Hòa,Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309

KIRKLAND
— ORGANIC —
UNSWEETENED
ALMOND
NON-DAIRY BEVERAGE
Vanilla
30
946mL (1 QT) 32 FL OZ
— ORGANIC —
UNSWEETENED
ALMOND
NON-DAIRY BEVERAGE
Vanilla
BANANA
BERRY
& OAT
SMOOTHIE

SIMPLE
GOODNESS
30 Calories per serving
Vegan
Free of dairy, lactose, soy
No added sugar
KIRKLAND

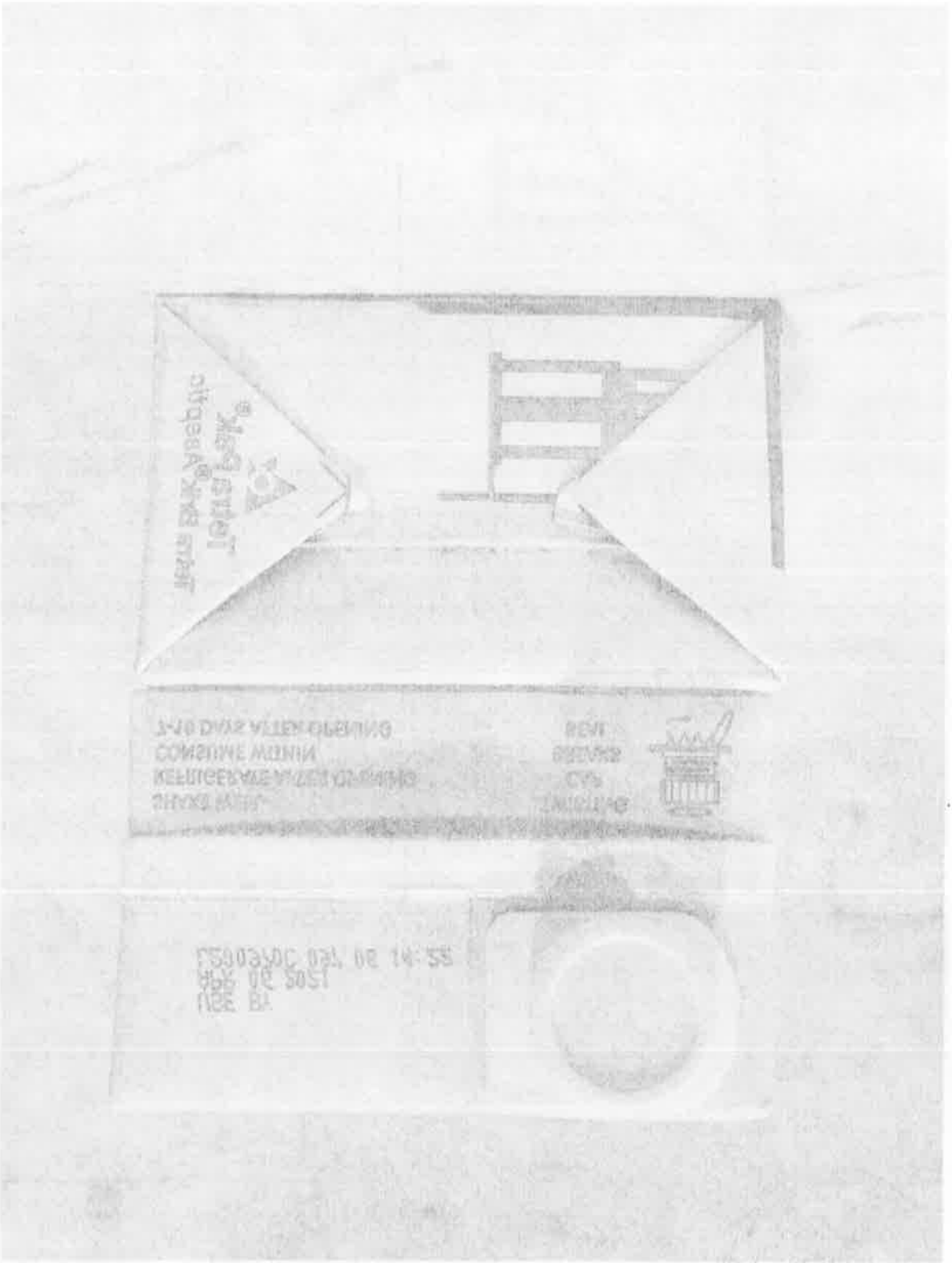

# TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

| | |
|---|---|
| JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **4862.20** | Report date/ *Ngày*: **06-06-2020** |
| Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 | Page/ *Trang*: **1/ 2** |

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYÊN

Address (*Địa chỉ*) : 62 Phù Đổng, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Sữa hạnh nhân Kirkland Signature Organic Vanilla Almond Beverage

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong thùng cách nhiệt

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Khách hàng gửi mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 01-06-2020

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 01-06-2020

| **Code/** *Mã mẫu* | **Name/** *Tên mẫu* | **Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích* | **Test Method/** *Phương pháp* | **Unit/** *Đơn vị* | **LOD** | **Result/** *Kết quả* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 4862.20 /7 | Sữa hạnh nhân Kirkland Signature Organic Vanilla Almond Beverage | Tổng số vi khuẩn hiếu khí (**) | ISO 4833-1:2013 | CFU/ml | - | <1 |
| | | *E. coli* (**) | ISO 16649-2:2001 | CFU/ml | - | <1 |
| | | Coliforms (**) | ISO 4832:2006 | CFU/ml | - | <1 |
| | | *Staphyloccocus aureus* (**) | ISO 6888-1:1999/Amd.1:2003 | CFU/ml | - | <1 |
| | | *Streptococci feacal* | NMKL 68-5.ed:2011 | CFU/ml | - | <1 |
| | | *Pseudomonas aeruginosa* | MKL-HS 16.3 Ref.ISO 13720:1992 | CFU/ml | - | <1 |
| | | *Clostridium perfringens* (**) | ISO 7937:2004 | CFU/ml | - | <1 |
| | | Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc (**) | ISO 21527-1:2008 | CFU/ml | - | <1 |
| | | Chì (Pb) (**) | AOAC 999.11 | mg/L | 0.0025 | ND |

# TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

| | |
|---|---|
| JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **4862.20** | Report date/ *Ngày*: **06-06-2020** |
| Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 | Page/ *Trang*: **2/ 2** |

Note / *Ghi chú:*

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (**) Parameter is accredited ISO17025 or recognized by Vietnamese government/ *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025 hoặc được chỉ định các Bộ chuyên ngành.*
3. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
4. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO-QSCert Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO-QSCert*
5. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO-QSCert is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO-QSCert*

**Authorized Technical Representative**
***Phụ trách kỹ thuật***

Phạm Thị Hồng Trang

**On behalf of NHO-QSCert**
***Đại diện NHO-QSCert***

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

# BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 06 / TNCB-AN /2020

## I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân:**Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên**

Địa chỉ: 62 Phù Đổng,Phường Phước Tiến,TP.Nha Trang,Tỉnh Khánh Hòa,Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309

Email: annguyeninvestment@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201814817

## II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **SỮA HẠNH NHÂN KIRKLAND SIGNATURE ALMOND NON-DAIRY BEVERAGE, UNSWEETENED.**

2. Thành phần: Hạnh nhân (Nước lọc, Hạnh nhân ),Calcium Carbonate, Muối biển, Lecithin hướng dương, Locust Bean Gum hữu cơ INS 410, Gellan Gum INS 418, Vitamin A Palmitate, Ergocalciferol (Vitamin D2), DL-Alpha-Tocopheryl Acetate (Vitamin E) Riboflavin (Vitamin B2) ), Kẽm Gluconate, Cyanocobalamin (Vitamin B12).

Sản phẩm có chứa: Hạnh nhân.

3. Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp giấy, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bộ Y tế.
- Khối lượng tịnh: 200ml, 237ml, 259ml, 946ml, 1180ml, 3780ml /hộp

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Costco Wholesale Corp.

Địa chỉ: P.O. Box 34535 Seattle, WA 98124-1535 USA

## III. Mẫu nhãn sản phẩm

- Nhãn chính, nhãn phụ đính kèm hồ sơ

## IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:
- QCVN 6-2: 2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

+ Các chỉ tiêu vi sinh vật

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Mức tối đa |
|---|---|---|---|
| 1 | Tổng số vi khuẩn hiếu khí | CFU/ml | 100 |
| 2 | Coliforms | CFU/ml | 10 |
| 3 | E.coli | CFU/ml | Không được có |
| 4 | S. aureus | CFU/ml | Không được có |
| 5 | Streptococci faecal | CFU/ml | Không được có |
| 6 | Pseudomonas aeruginosa | CFU/ml | Không được có |
| 7 | Cl. perfringens | CFU/ml | Không được có |
| 8 | Tổng nấm men, nấm mốc | CFU/ml | 10 |

+ Chỉ tiêu kim loại nặng

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Mức tối đa |
|---|---|---|---|
| 1 | Chì | mg/l | 0,05 |

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

*Nha Trang, ngày 10 tháng 06 năm 2020*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

M.S.D.N: 4201614817 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYÊN
TỈNH KHÁNH HÒA

Trần Lâm Hoàng Nguyên

M.S.D.N: 4201814817 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYÊN
TỈNH KHÁNH HÒA

## NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ

1.Tên sản phẩm: **SỮA HẠNH NHÂN KIRKLAND SIGNATURE ALMOND NON-DAIRY BEVERAGE, UNSWEETENED**

2. Thành phần cấu tạo: Hạnh nhân (Nước lọc, Hạnh nhân ),Calcium Carbonate, Muối biển, Lecithin hướng dương, Locust Bean Gum hữu cơ INS 410, Gellan Gum INS 418, Vitamin A Palmitate, Ergocalciferol (Vitamin D2), DL-Alpha-Tocopheryl Acetate (Vitamin E) Riboflavin (Vitamin B2) ), Kẽm Gluconate, Cyanocobalamin (Vitamin B12).

Sản phẩm có chứa: Hạnh nhân

3.Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: Dùng uống trực tiếp.

- Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Chất liệu bao bì và quy cách bao gói:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp giấy, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bộ Y tế.

- Khối lượng tịnh: 200ml, 237ml, 259ml, 946ml, 1180ml, 3780ml /hộp

6.Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm:

-Xuất xứ: Mỹ.

Sản xuất tại: Costco Wholesale Corp.

Địa chỉ: P.O. Box 34535 Seattle, WA 98124-1535 USA

- Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm:

**Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên**

Địa chỉ: 62 Phù Đổng,Phường Phước Tiến,TP.Nha Trang,Tỉnh Khánh Hòa,Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309

KIRKLAND
ORIGINAL
UNSWEETENED
ALMOND
NON-DAIRY BEVERAGE

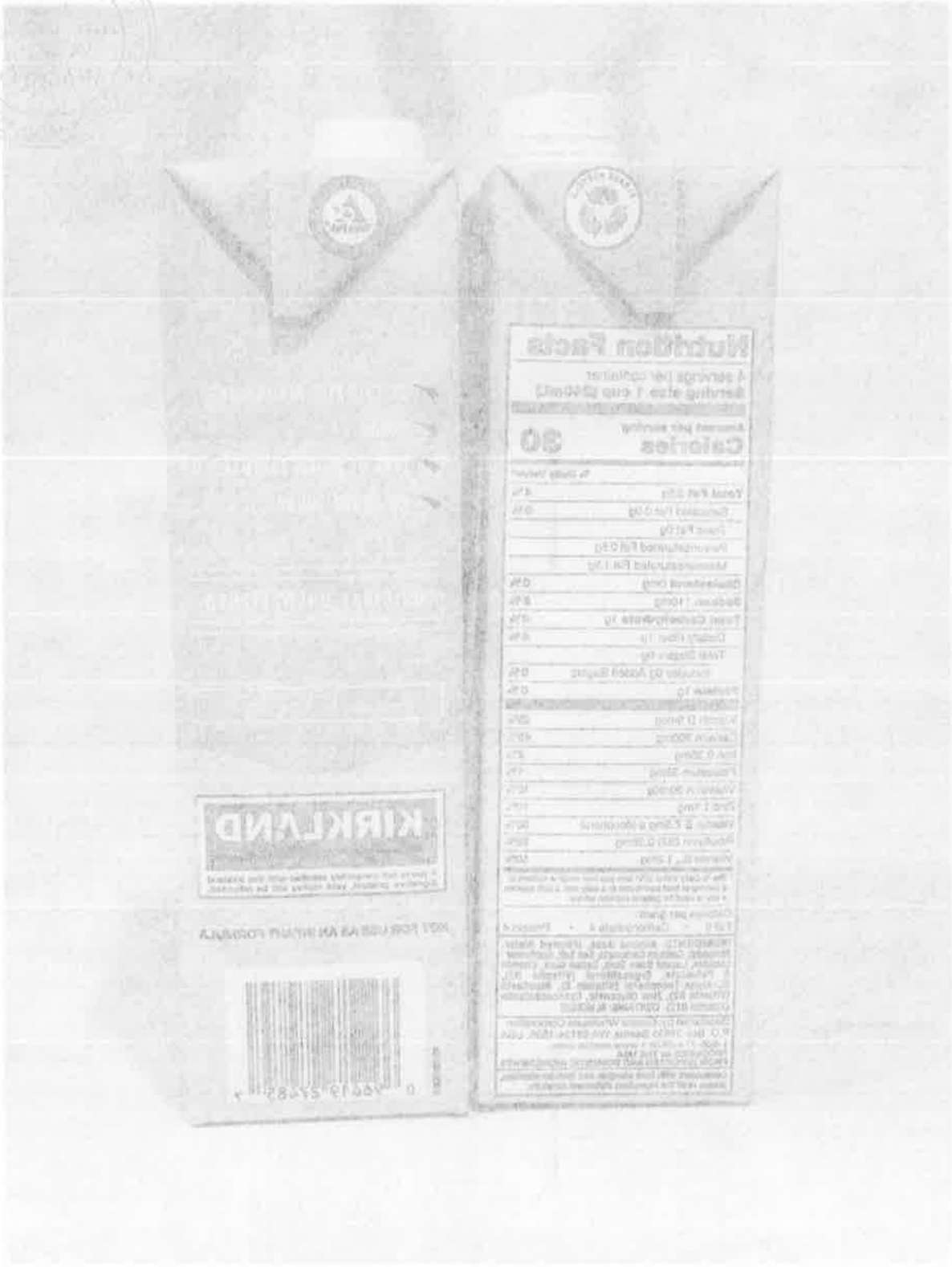

BEST IF USED BY:
APR 14 2021
10RSV105A
05:50:71 13:52
Tetra Brik Aseptic
Tetra Brik®

# TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

| | |
|---|---|
| JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **4862.20** | Report date/ *Ngày*: **06-06-2020** |
| Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 | Page/ *Trang*: **1/ 2** |

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYÊN

Address (*Địa chỉ*) : 62 Phù Đổng, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Sữa hạnh nhân Kirkland Signature Almond Non-Dairy Beverage, Unsweetened

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong thùng cách nhiệt

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Khách hàng gửi mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 01-06-2020

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 01-06-2020

| **Code/** *Mã mẫu* | **Name/** *Tên mẫu* | **Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích* | **Test Method/** *Phương pháp* | **Unit/** *Đơn vị* | **LOD** | **Result/** *Kết quả* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 4862.20 /6 | Sữa hạnh nhân Kirkland Signature Almond Non-Dairy Beverage, Unsweetened | Tổng số vi khuẩn hiếu khí (**) | ISO 4833-1:2013 | CFU/ml | - | <1 |
| | | *E. coli* (**) | ISO 16649-2:2001 | CFU/ml | - | <1 |
| | | Coliforms (**) | ISO 4832:2006 | CFU/ml | - | <1 |
| | | *Staphyloccocus aureus* (**) | ISO 6888-1:1999/Amd.1:2003 | CFU/ml | - | <1 |
| | | *Streptococci feacal* | NMKL 68-5.ed:2011 | CFU/ml | - | <1 |
| | | *Pseudomonas aeruginosa* | MKL-HS 16.3 Ref.ISO 13720:1992 | CFU/ml | - | <1 |
| | | *Clostridium perfringens* (**) | ISO 7937:2004 | CFU/ml | - | <1 |
| | | Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc (**) | ISO 21527-1:2008 | CFU/ml | - | <1 |
| | | Chì (Pb) (**) | AOAC 999.11 | mg/L | 0.0025 | ND |

# TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

| | |
|---|---|
| JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **4862.20** | Report date/ *Ngày*: **06-06-2020** |
| Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 | Page/ *Trang*: **2/ 2** |

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (**) Parameter is accredited ISO17025 or recognized by Vietnamese government/ *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025 hoặc được chỉ định các Bộ chuyên ngành.*
3. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
4. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO-QSCert Terms and Condit'ons./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO-QSCert*
5. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO-QSCert is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO-QSCert*

**Authorized Technical Representative**
***Phụ trách kỹ thuật***

Phạm Thị Hồng Trang

**On behalf of NHO-QSCert**
***Đại diện NHO-QSCert***

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHƠNHO

Hoàng Bá Nghị

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

# BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 07 / TNCB-AN /2020

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân:**Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên**

Địa chỉ: 62 Phù Đổng,Phường Phước Tiến,TP.Nha Trang,Tỉnh Khánh Hòa,Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309

Email: annguyeninvestment@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201814817

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **SỮA YẾN MẠCH ORGANIC NON-DAIRY OAT BEVERAG**

2. Thành phần:Yến mạch nguồn gốc hữu cơ (Nước lọc, bột yến mạch hữu cơ),dầu hướng dương hữu cơ, Calcium carbonate, Hương hữu cơ tự nhiên, Muối biển, Vitamin A Palmitate, Ergocalciferol (Vitamin D2),Riboflavin (Vitamin B2) ), Cyanocobalamin (Vitamin B12).

Sản phẩm có chứa: Yến mạch.

3. Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp giấy, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bộ Y tế.
- Khối lượng tịnh: 200ml, 237ml, 259ml, 946ml, 1180ml, 3780ml /hộp

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại:Costco Wholesale Corp.

Địa chỉ: P.O. Box 34535 Seattle, WA 98124-1535 USA

**III. Mẫu nhãn sản phẩm**

- Nhãn chính, nhãn phụ đính kèm hồ sơ

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:
- QCVN 6-2: 2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

+ Các chỉ tiêu vi sinh vật

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Mức tối đa |
|---|---|---|---|
| 1 | Tổng số vi khuẩn hiếu khí | CFU/ml | 100 |
| 2 | Coliforms | CFU/ml | 10 |
| 3 | E.coli | CFU/ml | Không được có |
| 4 | S. aureus | CFU/ml | Không được có |
| 5 | Streptococci faecal | CFU/ml | Không được có |
| 6 | Pseudomonas aeruginosa | CFU/ml | Không được có |
| 7 | Cl. perfringens | CFU/ml | Không được có |
| 8 | Tổng nấm men, nấm mốc | CFU/ml | 10 |

+ Chỉ tiêu kim loại nặng

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Mức tối đa |
|---|---|---|---|
| 1 | Chì | mg/l | 0,05 |

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

*Nha Trang, ngày 10 tháng 06 năm 2020*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

M.S.D.N: 4201514817 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYÊN
TỈNH KHÁNH HÒA

Trần Lâm Hoàng Nguyên


## NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ

1.Tên sản phẩm: **SỮA YẾN MẠCH ORGANIC NON-DAIRY OAT BEVERAG**

2.Thành phần cấu tạo: Yến mạch nguồn gốc hữu cơ (Nước lọc, bột yến mạch hữu cơ), dầu hướng dương hữu cơ, Calcium carbonate, Hương hữu cơ tự nhiên, Muối biển, Vitamin A Palmitate, Ergocalciferol (Vitamin D2), Riboflavin (Vitamin B2) ), Cyanocobalamin (Vitamin B12).

Sản phẩm có chứa: Yến mạch

3.Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: Dùng uống trực tiếp.

- Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Chất liệu bao bì và quy cách bao gói:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp giấy, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bộ Y tế.

- Khối lượng tịnh: 200ml, 237ml, 259ml, 946ml, 1180ml, 3780ml /hộp

6.Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm:

-Xuất xứ: Mỹ.

Sản xuất tại: Costco Wholesale Corp.

Địa chỉ: P.O. Box 34535 Seattle, WA 98124-1535 USA

- Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm:

**Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên**

Địa chỉ: 62 Phù Đổng,Phường Phước Tiến,TP.Nha Trang,Tỉnh Khánh Hòa,Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309

oat

ORGANIC NON-DAIRY BEVERAGE

MADE WITH SUPER TASTY ROLLED OATS



USDA ORGANIC

oat

ORGANIC NON-DAIRY BEVERAGE

MADE WITH SUPER TASTY ROLLED OATS



USDA ORGANIC


Nutrition Facts
servings per container
Serving size 1 cup (240mL)
Amount per serving
Calories 120
% Daily Value*
Total Fat 5g 6%
Saturated Fat 0.5g 3%
Trans Fat 0g
Cholesterol 0mg 0%
Sodium 95mg 8%
Total Carbohydrate 16g 6%
Dietary Fiber 2g 7%
Total Sugars 7g
Includes 7g Added Sugars 14%
Protein 3g
Vitamin D 3.5mg 20%
Calcium 390mg 30%
Iron 0.35mg 2%
Potassium 50mg 2%
Vitamin A 90mcg 10%
Riboflavin 0.30mg 25%
Vitamin B12 0.8mcg 25%
* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.
Calories per gram:
Fat 9 • Carbohydrate 4 • Protein 4
INGREDIENTS: ORGANIC OAT BASE (FILTERED WATER, ORGANIC ROLLED OAT FLOUR),ORGANIC SUNFLOWER OIL, CALCIUM CARBONATE, ORGANIC NATURAL FLAVORS, SUNFLOWER LECITHIN, SEA SALT, VITAMIN A PALMITATE, ERGOCALCIFEROL (VITAMIN D2), RIBOFLAVIN (VITAMIN B2), CYANOCOBALAMIN (VITAMIN B12).
Distributed by: Costco Wholesale Corporation
P.O. Box 34535 Seattle, WA 98124-1535, USA
1-800-774-2678 • www.costco.com
Certified Organic by: QAI
PRODUCED IN THE USA FROM IMPORTED AND DOMESTIC INGREDIENTS
Consumers with food allergies and food sensitivities, please read the ingredient statement carefully.
• 20g ROLLED OATS IN EVERY SERVING
• 100% VEGAN
• LACTOSE FREE
• DAIRY FREE
• NO NUTS
0 96619 23749 4
NOT FOR USE AS AN INFANT FORMULA

• 20g ROLLED OATS
IN EVERY SERVING
• 100% VEGAN
• LACTOSE FREE
• DAIRY FREE
• NO NUTS
NOT FOR USE AS AN INFANT FORMULA

# TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

| | |
|---|---|
| JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **4862.20** | Report date/ *Ngày*: **06-06-2020** |
| Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 | Page/ *Trang*: **1/ 2** |

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYÊN

Address (*Địa chỉ*) : 62 Phù Đổng, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Sữa yến mạch Organic Non-Dairy Oat Beverag

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong thùng cách nhiệt

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Khách hàng gửi mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 01-06-2020

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 01-06-2020

| **Code/** *Mã mẫu* | **Name/** *Tên mẫu* | **Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích* | **Test Method/** *Phương pháp* | **Unit/** *Đơn vị* | **LOD** | **Result/** *Kết quả* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 4862.20 /5 | Sữa yến mạch Organic Non-Dairy Oat Beverag | Tổng số vi khuẩn hiếu khí (**) | ISO 4833-1:2013 | CFU/ml | - | <1 |
| | | *E. coli* (**) | ISO 16649-2:2001 | CFU/ml | - | <1 |
| | | Coliforms (**) | ISO 4832:2006 | CFU/ml | - | <1 |
| | | *Staphyloccocus aureus* (**) | ISO 6888-1:1999/Amd.1:2003 | CFU/ml | - | <1 |
| | | *Streptococci feacal* | NMKL 68-5.ed:2011 | CFU/ml | - | <1 |
| | | *Pseudomonas aeruginosa* | MKL-HS 16.3 Ref.ISO 13720:1992 | CFU/ml | - | <1 |
| | | *Clostridium perfringens* (**) | ISO 7937:2004 | CFU/ml | - | <1 |
| | | Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc (**) | ISO 21527-1:2008 | CFU/ml | - | <1 |
| | | Chì (Pb) (**) | AOAC 999.11 | mg/L | 0.0025 | ND |

# TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

| | |
|---|---|
| JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **4862.20** | Report date/ *Ngày*: **06-06-2020** |
| Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 | Page/ *Trang*: **2/ 2** |

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (**) Parameter is accredited ISO17025 or recognized by Vietnamese government/ *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025 hoặc được chỉ định các Bộ chuyên ngành.*
3. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
4. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO-QSCert Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO-QSCert*
5. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO-QSCert is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO-QSCert*

**Authorized Technical Representative**
***Phụ trách kỹ thuật***

Phạm Thị Hồng Trang

**On behalf of NHO-QSCert**
***Đại diện NHO-QSCert***

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

# BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 08 / TNCB-AN /2020

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân:**Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên**

Địa chỉ: 62 Phù Đổng,Phường Phước Tiến,TP.Nha Trang,Tỉnh Khánh Hòa,Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309

Email: annguyeninvestment@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201814817

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **BỘT NÊM VỊ RAU CỦ KNORR SELECT SOUP BASE, VEGETABLE**

2. Thành phần: Muối, đường, dầu đậu nành, bột hành tây, tinh bột ngô, đạm ngô thủy phân, maltodextrin, bột tỏi, màu nghệ INS 100 (màu), gia vị, nước ép cà rốt cô đặc, Calcium Silicate (chất chống vón cục), hương vị rau củ tự nhiên, màu caramel INS 150c (có chứa sulfite), chất điều vị disodium guanylate INS 627, chất điều vị Disodium inosinate INS 631, acid Citric.

3. Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp nhựa PE, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bộ Y tế.
- Khối lượng tịnh: 0.06kg, 0.066kg, 0.827kg, 0.088kg, 0.096kg, 0.108kg, 0.15kg, 0.175kg, 0.225kg, 0.227kg, 0.45kg, 0.454kg, 1kg, 1.23kg, 1.36kg, 1.5kg, 2kg, 3.6kg, 4.54kg, 11.34kg, / túi/hộp.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại:©UNILEVER

Địa chỉ: Englewood Cliffs, NJ 07632 USA

**III. Mẫu nhãn sản phẩm**

- Nhãn chính, nhãn phụ đính kèm hồ sơ

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn-kỹ thuật Quốc gia số:

*+ 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm:*

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|---|---|---|---|
| 1 | Tổng số vi khuẩn hiếu khí | CFU/g | $10^4$ |
| 2 | Coliforms | CFU/g | $10^2$ |
| 3 | E.coli | MPN/g | 3 |
| 4 | S.aureus | CFU/g | $10^2$ |
| 5 | Salmonella | /25g | Không có |
| 6 | Tổng số nấm mốc - nấm men | CFU/g | $10^2$ |

*+ QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm:*

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|---|---|---|---|
| 1 | As | mg/kg | 5,0 |
| 2 | Cd | mg/kg | 1,0 |
| 3 | Pb | mg/kg | 2,0 |
| 4 | Hg | mg/kg | 0,05 |

+ QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

| Stt | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Giới hạn tối đa |
|---|---|---|---|
| 1 | Aflatoxin B1 | µg/kg | 2,0 |
| 2 | Aflatoxin tổng số | µg/kg | 4,0 |
| 3 | Ochratoxin A | µg/kg | 3,0 |

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

*Nha Trang, ngày 10 tháng 06 năm 2020*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

M.S.D.N: 4201814817 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYÊN
TỈNH KHÁNH HÒA

Trần Lâm Hoàng Nguyên

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

## NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ

1.Tên sản phẩm: **BỘT NÊM VỊ RAU CỦ KNORR SELECT SOUP BASE, VEGETABLE**

2.Thành phần cấu tạo: Muối, đường, dầu đậu nành, bột hành tây, tinh bột ngô, đạm ngô thủy phân, maltodextrin, bột tỏi, màu nghệ INS 100 (màu), gia vị, nước ép cà rốt cô đặc, Calcium Silicate (chất chống vón cục), hương vị rau củ tự nhiên, màu caramel INS 150c (có chứa sulfite), chất điều vị disodium guanylate INS 627, chất điều vị Disodium inosinate INS 631, acid Citric.

3.Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: làm gia vị cho các món ăn.
- Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Chất liệu bao bì và quy cách bao gói:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp nhựa PE,đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bộ Y tế.
- Khối lượng tịnh: 0.06kg, 0.066kg, 0.827kg, 0.088kg, 0.096kg, 0.108kg, 0.15kg, 0.175kg, 0.225kg, 0.227kg, 0.45kg, 0.454kg, 1kg, 1.23kg, 1.36kg, 1.5kg, 2kg, 3.6kg, 4.54kg, 11.34kg, / túi/hộp.

6.Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm:

-Xuất xứ: Mỹ.

Sản xuất tại: ©UNILEVER

Địa chỉ: Englewood Cliffs, NJ 07632 USA

- Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm:

**Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên**

Địa chỉ: 62 Phù Đổng,Phường Phước Tiến,TP.Nha Trang,Tỉnh Khánh Hòa,Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309



Knorr
PROFESSIONAL
SELECT
VEGETABLE FLAVOR BASE
11 CAL


PREP DIRECTIONS
INSTRUCCIONES DE PREPARACIÓN


Knorr
PROFESSIONAL
SELECT
VEGETABLE FLAVOR BASE
BASE CON SABOR A VEGETALES
Manufactured for /
Fabricado por
Unilever Food Solutions
Unilever
Englewood Cliffs, NJ 07632
Unilever Food Solutions
FRIENDS OF #FAIRKITCHENS
Join us at fairkitchens.com/friends
Fair kitchens


Nutrition Facts / Datos de Nutrición
Serving size
Tamaño de ración
1 tsp (4.5g) (Makes 1 cup prepared)
1 cdta (4.5 g) (Rinde 1 taza preparada)
Calories / Calorías 10
% Daily Value / % Valor diario
Total Fat / Grasa Total 0g 0%
Sodium / Sodio 210mg 40%
Total Carbohydrate / Carbohidratos Totales 2g 1%
Protein / Proteínas 0g

# TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

| | |
|---|---|
| JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **4862.20** | Report date/ *Ngày*: **06-06-2020** |
| Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 | Page/ *Trang*: **1/ 2** |

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYÊN

Address (*Địa chỉ*) : 62 Phù Đổng, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Bột nêm vị rau củ Knorr Select Soup Base, Vegetable

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong thùng cách nhiệt

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Khách hàng gửi mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 01-06-2020

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 01-06-2020

| **Code/** *Mã mẫu* | **Name/** *Tên mẫu* | **Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích* | **Test Method/** *Phương pháp* | **Unit/** *Đơn vị* | **LOD** | **Result/** *Kết quả* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 4862.20 /4 | Bột nêm vị rau củ Knorr Select Soup Base, Vegetable | Tổng số vi khuẩn hiếu khí (**) | ISO 4833-1:2013 | CFU/g | - | <10 |
| | | Coliforms (**) | ISO 4832:2006 | CFU/g | - | <10 |
| | | *E. coli* (**) | ISO 16649-2:2001 | CFU/g | - | <10 |
| | | *Staphylococcus aureus* (**) | ISO 6888-1:1999/Amd.1:2003 | CFU/g | - | <10 |
| | | Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc (**) | ISO 21527-2:2008 | CFU/g | - | <10 |
| | | *Salmonella* spp. (**) | ISO 6579-1:2017 | Định tính/25g | - | ND |
| | | Aflatoxin B1 (**) | TCVN 7596:2007 | µg/kg | 1.00 | ND |
| | | Aflatoxin tổng số (**) | TCVN 7596:2007 | µg/kg | 1.00 | ND |
| | | Ochratoxin A (**) | TCVN 9724:2013 | µg/kg | 1.00 | ND |
| | | Asen (As) (**) | AOAC 986.15 | mg/kg | 0.01 | ND |
| | | Cadimi (Cd) (**) | AOAC 999.11 | mg/kg | 0.002 | ND |
| | | Chì (Pb) (**) | AOAC 999.11 | mg/kg | 0.016 | ND |
| | | Thủy ngân (Hg) (**) | AOAC 971.21 | mg/kg | 0.01 | ND |

# TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

| | |
|---|---|
| JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **4862.20** | Report date/ *Ngày*: **06-06-2020** |
| Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 | Page/ *Trang*: **2/ 2** |

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (**) Parameter is accredited ISO17025 or recognized by Vietnamese government/ *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025 hoặc được chỉ định các Bộ chuyên ngành.*
3. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
4. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO-QSCert Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO-QSCert*
5. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO-QSCert is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO-QSCert*

**Authorized Technical Representative**
***Phụ trách kỹ thuật***

Phạm Thị Hồng Trang

**On behalf of NHO-QSCert**
***Đại diện NHO-QSCert***

M.S.D.N: 1801280... CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO Q.CÁI RĂNG - TP.CẦN THƠ

Hoàng Bá Nghị